

BẢN TIN TÀI CHÍNH & THUẾ



Bản tin đầu tư
Tài chính & thuế

Kỳ 15/11/2018

Phát hành định kỳ 2 kỳ/tháng



BẢN TIN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ THUẾ

Phát hành định kỳ 2 kỳ/tháng

Kỳ 15/11/2018

Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	2-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5-6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)	0
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	6-9
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	9-13
CÁC VĂN BẢN KHÁC	14



THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Hướng dẫn kê khai, hoàn thuế giá trị gia tăng

Theo **Công văn số 4044/TCT-KK** ngày 17/10/2018 của TCT, trường hợp dự án đầu tư của Công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư và đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế GTGT, điều kiện hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT, Công ty đã kê khai chỉ tiêu [30] “Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn” trên tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư (mẫu số 02/GTGT) chính thức của kỳ tính thuế quý 1/2018 và khi chưa đến thời hạn khai thuế của kỳ tính thuế quý 2/2018, Công ty chưa nộp hồ sơ khai thuế để kết chuyển số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau tại chỉ tiêu số [32] của kỳ tính thuế trước sang chỉ tiêu số [21] “thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang” trên tờ khai thuế mẫu số 02/GTGT chính thức của kỳ tính thuế quý 2/2018, đồng thời chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế thì được khai bổ sung tăng chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai bổ sung của kỳ tính thuế quý 1/2018.



Hoàn trả tiền thuế GTGT nộp thừa

Theo **Công văn số 4236/TCT-KK** ngày 31/10/2018 của TCT, trường hợp người nộp thuế đang hoạt động, có số tiền thuế Giá trị gia tăng đã nộp vào Ngân sách nhà nước lớn hơn số thuế phát sinh phải nộp, sau khi thực hiện bù trừ theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC mà vẫn còn số tiền thuế Giá trị gia tăng nộp thừa thì được giải quyết hoàn số thuế nộp thừa theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn số thuế nộp thừa đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm kiểm soát, xác định đúng số nộp thừa được hoàn và giải quyết hoàn thuế nộp thừa theo đúng quy định.

Khai thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh

Theo **Công văn số 4176/TCT-KK** ngày 29/10/2018 của TCT, trường hợp Công ty A có chứng từ nộp tiền thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh lập ngày 19/8/2017 thì được khai vào hồ sơ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kể từ kỳ tính thuế tháng 8/2017 trở đi. Trường hợp Công ty đã khai chứng từ nêu trên vào hồ sơ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 7/2017 thì nay phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế, chứng từ đã khai điều chỉnh giảm nêu trên được khai vào hồ sơ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế phát hiện khai sai.



Thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hoạt động mua bán hàng hóa mà điểm giao nhận tại cảng Việt Nam

Theo **Công văn số 4185/TCT-CS** ngày 29/10/2018 của TCT, trường hợp theo phản ánh của các Cục Thuế và các Công ty, hàng hóa được nhập từ nước ngoài và được bán cho các doanh nghiệp tại Việt Nam với điều kiện giao tại cảng biển hoặc sân bay tại Việt Nam thì chưa đủ cơ sở để xác định việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, do đó chưa đủ cơ sở để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Đối với những hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu mà người mua hàng cuối cùng là doanh nghiệp Việt Nam làm thủ tục hải quan kê khai và nộp thuế tại khâu nhập khẩu thì các Công ty liên hệ với cơ quan hải quan để được hướng dẫn thực hiện cụ thể theo quy định của pháp luật về hải quan.



Đề nghị hướng dẫn kê khai, khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư

Theo **Công văn số 4261/TCT-KK** ngày 01/11/2018 của TCT, trường hợp dự án đầu tư chia ra nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư: Đối với hạng mục đầu tư đã hoàn thành, phát sinh doanh thu thì không được hoàn thuế GTGT đầu vào phát sinh sau thời điểm phát sinh doanh thu, số thuế GTGT đầu vào phát sinh trước thời điểm phát sinh doanh thu nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ, điều kiện tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính thì được xem xét giải quyết hoàn thuế. Công ty bàn giao số thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn, số thuế GTGT đầu ra của hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu cho Chi nhánh để kê khai trên tờ khai mẫu 01/GTGT nộp cơ quan thuế quản lý trực tiếp Chi nhánh tại địa bàn phát sinh doanh thu.

Đối với những hạng mục còn lại đang đầu tư, Công ty tiếp tục kê khai số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư trên tờ khai thuế GTGT mẫu 02/GTGT và thực hiện bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện trên tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT. Trường hợp sau khi thực hiện bù trừ, số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết thì Công ty đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp giải quyết hoàn thuế theo quy định tại Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.



Nếu dự án đầu tư không chia giai đoạn, hạng mục đầu tư mà dự án đầu tư đã phát sinh doanh thu thì không được hoàn thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư phát sinh sau thời điểm phát sinh doanh thu, số thuế GTGT đầu vào phát sinh trước thời điểm phát sinh doanh thu nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ, điều kiện tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính thì được xem xét giải quyết hoàn thuế. Công ty bàn giao số thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn, số thuế GTGT đầu ra của dự án đầu tư cho Chi nhánh kê khai trên tờ khai mẫu 01/GTGT tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp Chi nhánh tại địa bàn phát sinh doanh thu.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Điều chỉnh nghĩa vụ thuế sau khi cơ quan thuế kiểm tra

Theo **Công văn số 4133/TCT-KK** ngày 24/10/2018 của TCT, trường hợp công ty A, Cục Thuế tỉnh chưa thanh tra kiểm tra về thuế GTGT và thuế TNDN kỳ tính thuế năm 2016 tại trụ sở Công ty thì Công ty được khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT, TNDN kỳ tính thuế có liên quan thuộc năm 2016 theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Thuế suất TNDN đối với hoạt động kinh doanh nước sạch

Theo **Công văn số 4139/TCT-DNL** ngày 24/10/2018 của TCT, trường hợp công ty con/công ty liên kết của Công ty A là pháp nhân kinh doanh độc lập hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch đáp ứng đủ các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn về cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTG ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% đối với thu nhập từ thực hiện hoạt động cung cấp nước sạch.

Trường hợp pháp nhân kinh doanh độc lập có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng. Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động cung cấp nước sạch được hưởng ưu đãi thuế xác định bằng $(=)$ tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm $(\%)$ doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động cung cấp nước sạch được ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.



Chính sách thuế TNDN

Theo **Công văn số 4186/TCT-CS** ngày 29/10/2018 của TCT, trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN (như chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng bất động sản, khai thác khoáng sản, sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt).

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)



CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Hướng dẫn hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu hàng hóa sang EU

Theo **Thông tư số 38/2018/TT-BCT** ngày 30/10/2018 của BCT quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) khi xuất khẩu sang EU, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ. Theo đó, thương nhân muốn được hưởng ưu đãi theo GSP khi xuất khẩu sang các thị trường nêu trên phải đăng ký mã số REX, trừ khi lô hàng xuất khẩu có tổng giá trị không quá €6,000 (tính theo giá xuất xưởng).

Thương nhân phải phát hành chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP cho từng lô hàng và có giá trị hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành.

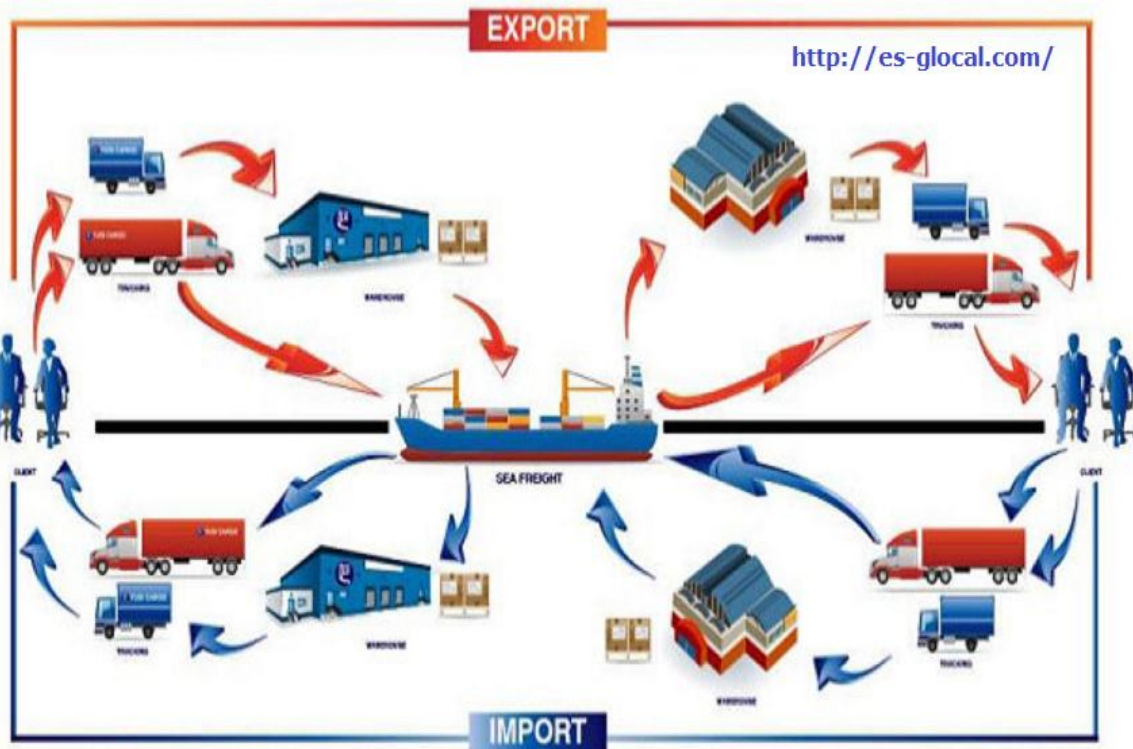
Chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP có thể được phát hành sau khi đã xuất khẩu nhưng phải nộp cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu trong vòng 02 năm kể từ ngày nhập khẩu.

Chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP được miễn đối với hàng hóa đóng gói nhỏ có tổng giá trị không quá €500 hoặc hàng hóa là hành lý cá nhân có tổng giá trị không quá €1,200.

Hàng hóa được miễn chứng nhận xuất xứ nêu trên chỉ được nhập khẩu với mục đích sử dụng cá nhân chứ không được nhập khẩu với mục đích thương mại và việc nhập khẩu diễn ra không thường xuyên.

Thông tư 38/2018/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 14/12/2018; riêng, chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP được áp dụng từ ngày 01/01/2019.

Trong thời gian chuyển tiếp, thương nhân chưa có mã số REX vẫn được cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu A khi xuất khẩu sang các thị trường nêu trên.



Trình tự kiểm tra hồ sơ C/O khi có nghi ngờ xuất xứ hàng XK

Theo **Thông tư số 39/2018/TT-BCT** ngày 30/10/2018 của BCT quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu. Theo đó, khi có lý do nghi ngờ gian lận về xuất xứ hàng hóa, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước sẽ kiểm tra hồ sơ C/O, GCN hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) đã cấp theo trình tự sau: (i) Bộ Công Thương gửi cho cơ quan, tổ chức cấp C/O văn bản yêu cầu kiểm tra; (ii) Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu kiểm tra Cơ quan, tổ chức cấp C/O phải kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho Bộ Công Thương;

Trường hợp cần gia hạn thời gian trả lời, cơ quan, tổ chức cấp C/O gửi cho Bộ Công Thương văn bản giải trình nhưng không muộn hơn 05 ngày làm việc trước khi đến thời hạn quy định.

Trong quá trình kiểm tra hồ sơ C/O, CNM đã cấp, cơ quan, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân bổ sung chứng từ, tài liệu khi cần thiết

Thông tư 39/2018/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 14/12/2018.

Bãi bỏ toàn bộ 03 Thông tư về thuế từ ngày 01/12/2018

Theo **Thông tư số 95/2018/TT-BTC** ngày 17/10/2018 của BTC, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 03 Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành sau đây: (i) Thông tư 35/2010/TT-BTC ngày 12/3/2010 hướng dẫn về thuế xuất khẩu đối với gỗ và than cốc được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu; (ii) Thông tư 118/2011/TT-BTC ngày 16/8/2011 hướng dẫn về thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá nhập khẩu của các dự án điện; (iii) Thông tư 10/2015/TT-BTC ngày 29/01/2015 hướng dẫn Quyết định 54/2014/QĐ-TTg về việc miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm trang thiết bị y tế cần được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo.

Thông tư 95/2018/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/12/2018



Giải đáp chính sách thu lệ phí trước bạ

Theo **Công văn số 4203/TCT-KK** ngày 30/10/2018 của TCT, khi người sử dụng đất đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì giá đất tính thu lệ phí trước bạ là giá đất tại Bảng giá đất do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Vướng mắc về trị giá hải quan

Theo **Công văn số 6937/TXNK-TGHQ** ngày 05/11/2018 của TCHQ, các khoản chi phí vận tải và các chi phí có liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa trả cho những hoạt động phát sinh sau khi hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập đầu tiên hoặc các chi phí phát sinh đến cửa khẩu nhập đầu tiên nhưng không đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC thì không phải cộng vào trị giá hải quan.

Chính sách thuế đối với nguyên phụ liệu nhập SXKK giao gia công lại

Theo **Công văn số 6740/TXNK-CST** ngày 01/11/2018 của TCHQ, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng không trực tiếp sản xuất toàn bộ hàng hóa xuất khẩu mà đưa một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã nhập khẩu cho doanh nghiệp khác thực hiện gia công một hoặc một số công đoạn sau đó nhận lại sản phẩm sau gia công xuất khẩu thì không đáp ứng cơ sở xác định hàng hóa được miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP nên không được miễn thuế nhập khẩu đối với phần hàng hóa nhập khẩu đưa đi gia công.

Thủ tục hải quan về mô hình xe ô tô làm mẫu cho sản xuất và trưng bày triển lãm

Theo **Công văn số 6519/TCHQ-GSQL** ngày 7/11/2018 của TCHQ, trường hợp 02 mẫu xe ô tô của Công ty A là mô hình xe ô tô được thiết kế cho mục đích trưng bày, không phải là xe ô tô chở người thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư liên tịch số 25/2010/TTLT-BCT-BGTVT-BTC ngày 14/6/2010. Do đó, Công ty A thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



Về chính sách mặt hàng: các điều kiện kinh doanh quy định không áp dụng đối với ô tô nhập khẩu không tham gia giao thông công cộng, chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp. Như vậy, 02 mẫu xe ô tô của Công ty không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định 116/2017/NĐ-CP. Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu gồm có mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất. Như vậy, 02 mẫu xe ô tô của Công ty được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu.

Về khai hải quan: trường hợp xe ô tô có cấu tạo được xử lý để chỉ phù hợp cho mục đích trưng bày, làm hàng mẫu, không phù hợp để chạy với tốc độ trên 10 km/h, không phù hợp tham gia giao thông, không thể được mua bán hoặc sử dụng, chỉ để làm mẫu, thuộc nhóm 90.23, mã số 9023.00.00 (thuế suất MFN 0%).

Về chính sách thuế: trường hợp mặt hàng ô tô nêu trên của Công ty A đã được xử lý để phù hợp cho mục đích trưng bày, làm hàng mẫu thì được miễn thuế nhập khẩu, không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB và phải chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu.

VẤN ĐỀ KHÁC**Bãi bỏ một số quy định hướng dẫn Luật kế toán 2015**

Theo **Nghị định số 151/2018/NĐ-CP** ngày 07/11/2018 của CP về sửa đổi, bổ sung các Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của BTC; Theo đó, tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kế toán: (i) Bãi bỏ các điều kiện sau trong tổng số các điều kiện để được đăng ký cung cấp dịch vụ kế toán (DVKT) qua biên giới: Có văn bản của cơ quan quản lý hành nghề DVKT nơi doanh nghiệp nước ngoài đóng trụ sở chính xác nhận; Không vi phạm các quy định về hoạt động kinh doanh DVKT và quy định pháp luật khác của nước ngoài trong thời hạn 3 năm trước thời điểm đề nghị cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh DVKT qua biên giới; Có mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các kế toán viên hành nghề tại Việt Nam; Không bị xử phạt VPHC trong việc cung cấp DVKT qua biên giới tại Việt Nam trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm đề nghị cấp GCN; (ii) Bãi bỏ một số thành phần Hồ sơ cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh DVKT qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh DVKT nước ngoài: Bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp DVKT nước ngoài đóng trụ sở chính về việc; Không vi phạm các quy định về hoạt động kinh doanh DVKT và quy định pháp luật khác của nước ngoài trong thời hạn 3 năm trước thời điểm đề nghị cấp GCN; Tài liệu chứng minh về việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các kế toán viên hành nghề tại Việt Nam.

**VĂN BẢN
HẾT HIỆU LỰC**

Ngoài ra, cũng theo Nghị định này sửa đổi một số nội dung nổi bật sau: (i) Về điều kiện cấp Giấy phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Bỏ điều kiện Tổ chức góp vốn thành lập phải không có lỗi lũy kế đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; (ii) Về điều kiện thành lập công ty cổ phần bảo hiểm: Có tối thiểu 2 cổ đông là tổ chức đáp ứng điều kiện tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định và 2 cổ đông này phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 20% số cổ phần công ty (điều kiện trước đây yêu cầu là 2 cổ đông sáng lập); Bãi bỏ điều kiện: Trong 03 năm từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của công ty.

Nghị định 151/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 07/11/2018.

Doanh nghiệp dưới 10 lao động được miễn tổ chức hội nghị NLD

Theo **Nghị định số 149/2018/NĐ-CP** ngày 07/11/2018 của CP hướng dẫn khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Theo đó, người sử dụng lao động dưới 10 lao động được miễn trừ tổ chức hội nghị người lao động và ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc bằng văn bản.

Ngoài ra, Nghị định còn đưa ra quy định về các nội dung người lao động được tham gia ý kiến, đơn cử như: (i) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động, đề xuất nội dung thương lượng tập thể (hiện nay không có quy định này); (ii) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; (iii) Đề xuất, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;...



Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

Theo **Nghị định số 130/2018/NĐ-CP** ngày 27/09/2018 của CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2018. Theo đó, chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau: (i) Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó; (ii) Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chức sau đây cấp: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Điều 40 của Nghị định này; (iii) Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Chi tiết mức đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN (mới nhất)

Theo quy định của pháp luật hiện hành, mức đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được thực hiện như sau:

1. Đối với người lao động Việt Nam

- Người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 3% vào quỹ ốm đau, thai sản; 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 3% vào quỹ bảo hiểm y tế; Như vậy, tổng cộng các mức đóng là 21,5%.
- Người lao động đóng 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế; Như vậy, tổng cộng các mức đóng là 10,5%.

2. Đối với người lao động nước ngoài

- Người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất (từ ngày 01/01/2022); 3% vào quỹ ốm đau, thai sản (từ ngày 01/12/2018); 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (từ ngày 01/12/2018); 3% vào quỹ bảo hiểm y tế; Như vậy, đến ngày 01/01/2022, tổng cộng các mức đóng là 20,5%.
- Người lao động đóng 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất (từ ngày 01/01/2022); 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế; Như vậy, đến ngày 01/01/2022, tổng cộng các mức đóng là 9,5%.

Quy định mới về chính sách “BHYT 05 năm liên tục”

Theo **Nghị định số 146/2018/NĐ-CP** ngày 17/10/2018 của CP hướng dẫn Luật BHYT có hiệu lực từ ngày 01/12/2018. Theo đó: (i) Nếu người bệnh có số tiền cùng chi trả tại một lần hoặc nhiều lần KCB tại cùng cơ sở KCB lớn hơn 06 tháng lương cơ sở (LCS) thì: Cơ sở KCB không thu số tiền cùng chi trả lớn hơn 06 tháng LCS đó; Phải cung cấp hóa đơn thu đối với số tiền cùng chi trả đủ 06 tháng LCS để người bệnh đề nghị BHXH xác nhận không phải cùng chi trả trong năm đó.



Bảo hiểm xã hội

Nếu người bệnh có số tiền cùng chi trả lũy kế trong năm tài chính tại các cơ sở KCB khác nhau hoặc tại cùng một cơ sở lớn hơn 06 tháng LCS thì: Người bệnh mang chứng từ đến cơ quan BHXH nơi cấp thẻ BHYT để thanh toán số tiền cùng chi trả lớn hơn 06 tháng LCS và nhận giấy xác nhận không phải cùng chi trả trong năm đó.

Nếu người bệnh có số tiền cùng chi trả vượt quá 06 tháng LCS được tính từ ngày 01/01, quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí KCB trong phạm vi quyền lợi từ thời điểm người bệnh tham gia đủ 05 năm liên tục đến hết ngày 31/12 của năm đó.

Ngoài ra, Nghị định 146 cũng bổ sung, sửa đổi một số trường hợp được xác định là tham gia BHYT liên tục như: Người được cử đi công tác, học tập, làm việc hoặc theo chế độ phu nhân, phu quân hoặc con đẻ, con nuôi hợp pháp dưới 18 tuổi đi theo bố hoặc mẹ công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; Khoảng thời gian đã tham gia BHYT trước

khi đi lao động ở nước ngoài được tính nếu tham gia BHYT khi về nước trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

Đề nghị xem xét kết quả phân tích phân loại mặt hàng thép cốt bê tông

Theo **Công văn số 6738/TXNK-PL** ngày 31/10/2018 của TCHQ, trường hợp Công ty A không nhất trí với kết quả phân tích, phân loại của cơ quan hải quan thì liên hệ với chi cục Kiểm định hải quan nơi tiếp nhận phân tích để đề nghị tách mẫu lưu gửi giám định tại một cơ quan, tổ chức giám định do Doanh nghiệp lựa chọn theo đúng quy định.

Tiêu thức chữ ký người đại diện theo pháp luật trên Thông báo phát hành hóa đơn

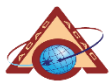
Theo **Công văn số 4299/TCT-DNL** ngày 05/11/2018 của TCT, trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty A và các đơn vị thành viên nghỉ hưu hoặc luân chuyển sang vị trí công việc khác thì Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của công ty để ký vào tiêu thức trên "Thông báo phát hành hóa đơn" và tiêu thức "người bán hàng" trên hóa đơn theo quy định.

Thực hiện hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP

Theo **Công văn số 4311/TCT-CS** ngày 05/11/2018 của TCT, trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Theo đó, trường hợp kể từ ngày 11/1/2018 đến ngày 31/10/2020, Công ty A sử dụng hết hóa đơn đặt in đã thông báo phát hành và vẫn có nhu cầu sử dụng tiếp hóa đơn đặt in phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp thì tiếp tục áp dụng hóa đơn đặt in theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và sử dụng đến khi chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ.





VĂN BẢN KHÁC



- Công văn số **6564/TCHQ-TXNK ngày 09/11/2018** của TCHQ về việc phân loại thiết bị làm sạch băng tải.
- Công văn số **6523/TCHQ-TXNK ngày 07/11/2018** của TCHQ về việc phân loại đèn LED, khung giá đỡ bát đĩa, bàn là.
- Công văn số **6446/TCHQ-TXNK ngày 02/11/2018** của TCHQ về việc phân loại mặt hàng khuôn đúc thời.

Văn phòng Hải Phòng

Số 34A phố Máy Tơ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: 0225 3736 866/ 3222 198
Fax: 0225 3736 869
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>

Văn phòng Hà Nội

Tầng 3 tòa nhà Sacombank, đường Lê Đức
Thọ, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 3556 8636
Fax: 024 3556 8635
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>